

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GIỒNG RIỀNGĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 04/2024/HSST
Ngày 29/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Bửu Khánh
- Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Phụng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2023/HSST, ngày 26 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐST – HS, ngày 15 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Đỗ Nhật Q**, sinh ngày 15/9/1995; tại **huyện G, tỉnh Kiên Giang**; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: **ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang**; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn Bé T** và bà **Đỗ Thị Kim K**; Có vợ tên **Lê Thị Mỹ L**; Con 01 người sinh năm 2014; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Có 02 tiền án: Vào ngày 09/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong hình phạt; Ngày 30/10/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ ngày 13/9/2023, chuyển sang tạm giam ngày 19/9/2023 cho đến nay.

Bị cáo tạm giam có mặt.

2- **Người bị hại:** Cháu **Nguyễn Đào Mai K1**, sinh ngày 05/8/2007; địa chỉ: **ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang**.

3. Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị **Đào Thị L1**, sinh năm: 1972; địa chỉ: **ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang**.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Hồ Trương Huỳnh P**, sinh năm: 1984; **ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Kiên**

Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đỗ Nhật Q, sinh ngày 15/9/1995, cư trú tại ấp A, xã V có 02 tiền án nhưng chưa được xóa án tích. Vào khoảng 06 giờ ngày 11/9/2023, Q đi bộ đến khu dân cư xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang để tìm tài sản trộm cắp. Khi Q đến đoạn đường ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện nhà chị Đào Thị L1 không có ai ở nhà, Q lén lút đột nhập vào nhà tìm kiếm tài sản để trộm, Q phát hiện một điện thoại hiệu VIVO Y21 màu xanh (điện thoại của cháu Nguyễn Đào Mai K1 con chị L1) đang để trên bộ ván nên lấy trộm bỏ vào trong túi quần rồi đi về. Sau đó, Q nhờ bạn tên Võ Thị G mang điện thoại đến tiệm điện thoại di động “Huỳnh Phúc” của anh Hồ Trương Huỳnh P cầm với giá 1.200.000 đồng, Q đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, chính quyền địa phương mời Nguyễn Đỗ Nhật Q làm việc, Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/TĐG-CT/HĐĐG, ngày 15/9/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự kết luận:

Một điện thoại di động hiệu VIVO Y21, màu xanh, số IMEI1 861428050335216, OMEI2 861428050335208 (đã qua sử dụng). Theo giá thị trường thời điểm hiện tại tỷ lệ còn lại 60%: 3.500.000 đồng x 60% = 2.100.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã thu giữ: Một điện thoại di động hiệu VIVO Y21, màu xanh, số IMEI1 861428050335216, OMEI2 861428050335208 (đã qua sử dụng).

Tại bản cáo trạng số 04/CT- VKS ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Đỗ Nhật Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Q. Kiểm sát viên luận tội căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đỗ Nhật Q từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại tài sản bị mất cho người bị hại.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định đã nhận lại số tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị miễn xét.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh của bị cáo gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị miễn nộp.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Đỗ Nhật Q có 02 tiền án chưa được xóa án tính nhưng lại tiếp tục phạm tội. Vào khoảng 06 giờ, ngày 11/9/2023 bị cáo lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác trong quản lý tài sản của cháu Nguyễn Đào Mai K1 đã lén lút lấy trộm chiếc điện thoại di động hiệu VIVO Y21 màu xanh (đã qua sử dụng) rồi nhờ chị G đem đến tiệm cầm đồ lấy số tiền tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, bị phát hiện và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên Tòa cho thấy phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G đã thu thập được.

Đối chiếu hành vi trên của bị cáo với quy định của Bộ luật Hình sự, có căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng truy tố bị cáo Nguyễn Đỗ Nhật Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Q là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương và gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo cũng nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm được mọi người tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Nhưng vì bản tính chây lười lao động, muốn hưởng thụ trên mồ hôi, công

sức của người khác, lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản là tiền và điện thoại của bị hại. Ngoài ra, bị cáo còn có 02 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, sau khi ra tù bị cáo không biết ăn năn, hối cải mà tiếp tục phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điều luật mà Viện kiểm sát đã viện dẫn, thể hiện ý thức xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng cho bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm thể hiện tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội và cũng đảm bảo tính khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ về tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

{3.1} Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

{3.2} Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trên.

{3.3} Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả tài sản cho người bị hại.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên miễn xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Buộc bị cáo **Q** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố

tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đỗ Nhật Q** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đỗ Nhật Q** 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 13/9/2023.
3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo
4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên miễn xét.
5. Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả tài sản cho người bị hại.
6. Về án phí: Bị cáo **Q** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày; Bị cáo được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 29/01/2024). Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: _

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện
- Trại tạm giam;
- Cơ quan điều tra;
- CQ Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên